

Bản án số: 14/2021/KDTM-PT
Ngày 09 – 3 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 73/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 120/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 01 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (được ủy quyền theo Quyết định số 1114/QĐ-A.VL ngày 31/7/2020):

1. Ông Phạm Bá S; chức vụ: Chuyên viên Trung tâm xử lý nợ A, (có mặt).

2. Ông Võ Bình Y; chức vụ: Kiểm sát viên Phòng giao dịch MT, (có mặt).

Địa chỉ Ngân hàng A – Chi nhánh Vĩnh Long: Số 15A Lê Lợi, Phường 1, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn K – Chủ Doanh nghiệp tư nhân VHX I; địa chỉ: Ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, *(có mặt)*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị CH, sinh năm 1954, *(vắng mặt)*;

2. Chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1982, *(vắng mặt)*;

3. Chị Lê Thị Mỹ P, sinh năm 1979, *(có mặt)*;

4. Cháu Nguyễn Tuấn A; người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Tuấn A: Chị Lê Thị Mỹ P (là mẹ ruột).

Bà CH và chị L ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Lê Thị Mỹ P (theo các Giấy ủy quyền ngày 02/12/2020 và ngày 30/12/2020);

Cùng địa chỉ: Ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

5. Anh Lê Quang M, sinh năm 1986, *(có mặt)*;

6. Chị Cù Diễm N, sinh 1987, *(vắng mặt)*;

7. Anh Lê Minh N, sinh năm 1991, *(vắng mặt)*;

8. Cháu Lê Chấn H; người đại diện hợp pháp của cháu H: Anh Lê Quang M và chị Cù Thị Diễm N (là cha mẹ ruột);

Chị N và anh N ủy quyền tham gia tố tụng cho anh Lê Quang M (theo Giấy ủy quyền ngày 24/11/2019);

Cùng địa chỉ: Ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

9. Ông Lương Văn B, sinh năm 1944, *(vắng mặt)*;

10. Chị Nguyễn Thị Mộng C, sinh năm 1982, *(vắng mặt)*;

11. Anh Lương Tấn Đ, sinh năm 1980, *(vắng mặt)*;

Ông B và chị C ủy quyền tham gia tố tụng cho anh Lương Tấn Đ, (theo Giấy ủy quyền ngày 26/11/2019).

Cùng địa chỉ: Ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

12. Anh Lê Thanh D, sinh năm 1969, *(có mặt)*;

13. Chị Nguyễn Thị Ba L1, sinh năm 1970, *(vắng mặt)*;

Chị Ba Lùn ủy quyền tham gia tố tụng cho anh Lê Thanh D (theo Giấy ủy quyền ngày 24/11/2019);

Cùng địa chỉ: Ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

14. Anh Võ Đạt K, sinh năm 1974, *(vắng mặt)*.

15. Cháu Võ Thúy D; người đại diện hợp pháp của cháu Võ Thúy D: Anh Võ Đạt K (là cha ruột).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Võ Đạt K (theo Giấy ủy quyền ngày 31/8/2020): Anh Lê Quang M, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: Ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, (có mặt).

16. Anh Võ Anh D1, sinh năm 1995, (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của Võ Anh D1 (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 02/12/2020): Chị Lê Thị Mỹ P, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, (có mặt).

17. Chị Lương Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, (*vắng mặt*).

- *Người kháng cáo:*

+ Ông Lê Văn K kháng cáo với tư cách là bị đơn;

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị CH, chị Lê Thị Mỹ L, anh Lê Quang M, anh Võ Anh D1 và chị Lê Thị Mỹ P,

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/7/2011 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng A có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:

Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu ông Lê Văn K – Chủ Doanh nghiệp tư nhân VHX I và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị CH có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 32.789.580.020 đồng, trong đó nợ gốc là 9.998.660.029 đồng, tiền lãi tính đến ngày 31/8/2020 là 22.790.919.991 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký đến thời điểm ông K và bà CH trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất được quy định tại các Hợp đồng tín dụng số 0706/2006/HĐ ngày 30/6/2006, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1236/2006/HĐ ngày 20/9/2007 và Phụ lục hợp đồng số 1236A/2008/PLHĐ ngày 09/01/2008, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0787/2006/HĐ ngày 18/7/2006 và Phụ lục hợp đồng số 0787A/2008/PLHĐ ngày 18/7/2008.

Trường hợp ông K và bà CH không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp và tài sản gắn liền với phần đất thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất số D 0815977 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện MT cấp ngày 03/8/1995, diện tích 15.870m²; mục đích sử dụng đất: Đất thổ quả 14.730m², đất nghĩa địa 640m², đất ao 500m²; thửa đất số 57, 59, 63, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn K đứng tên.

- Quyền sử dụng đất số D 0705809 do UBND tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 16/11/1995, diện tích 17.800m²; mục đích sử dụng đất: Đất chuyên dùng khác 8.960m², đất xây dựng 8.840m²; thửa đất số 58, 60; tờ bản đồ số 5; tọa lạc tại ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn K đứng tên.

- Quyền sử dụng đất số A 624730 do UBND huyện Long Hồ cấp ngày 18/7/1991, diện tích 14.100m²; mục đích sử dụng đất: Đất cây ăn quả 6.290m², đất ao 7.810m²; thửa đất số 68, 69; tờ bản đồ số 7; tọa lạc tại ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn K đứng tên.

- Quyền sở hữu nhà ở số 241/XD-UBH do UBND huyện MT cấp ngày 31/12/1994, loại nhà cấp IV, diện tích 162,24m², trên thửa đất số 57, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn K đứng tên.

- Quyền sử dụng đất số T 637640 do UBND huyện MT cấp ngày 02/12/2004, diện tích 4.820m²; mục đích sử dụng: Đất lúa; thửa đất số 81, 86; tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do hộ Lê Văn K đứng tên.

- Quyền sử dụng đất số Y 856020 do UBND huyện MT cấp ngày 17/02/2004, diện tích 7.670m²; mục đích sử dụng đất: Đất ao (hồ) 4.480m²; đất vườn 3.190m²; thửa đất số 44, 45 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thị B1 đứng tên.

Bị đơn ông Lê Văn K – Chủ Doanh nghiệp tư nhân VHX I trình bày:

Nguồn gốc các thửa đất thế chấp là của mẹ ông K vợ để lại, ông thế chấp A để vay vốn. Số nợ gốc như đại diện Ngân hàng trình bày, còn tiền lãi phát sinh thì ông không biết chính xác là bao nhiêu. Ông đồng ý trả nợ cho Ngân hàng và đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị CH, chị Lê Thị Mỹ P, chị Lê Thị Mỹ L và anh Lê Quang M do anh Lê Tấn Phát đại diện trình bày:

Tài sản mà ông K thế chấp để vay A là của hộ gia đình, ông K vay Ngân hàng và thế chấp tài sản nhưng không được sự đồng ý của các thành viên trong hộ. Do đó, bà CH, bà P, chị L và anh M yêu cầu:

- Vô hiệu Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1130/2008/HĐ ngày 01/9/2008 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1251/2008/HĐ ngày 24/9/2008 giữa ông Lê Văn K với A.

- Buộc A giao trả cho bà P, chị L và anh M các bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà do hộ Lê Văn K đứng tên gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T637640, sổ vào sổ cấp giấy 42398.QSDĐ do UBND huyện MT cấp ngày 02/12/2004; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D0815977, sổ vào sổ 30796 do UBND huyện MT cấp ngày 03/8/1995; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0705809, sổ vào sổ 00166, do UBND tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 16/11/1995; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A624730, sổ vào sổ 05508 được UBND huyện Long Hồ cấp ngày 18/7/1991 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 241/XD-UBH do UBND huyện MT cấp ngày 31/12/1994.

Đối với khoản nợ Doanh nghiệp tư nhân VHX I nợ A theo các hợp đồng tín dụng ông Lê Văn K đã ký với Ngân hàng thì ông K có trách nhiệm trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Tấn Đ trình bày:

Tài sản mà bà Lê Thị B1 bảo lãnh để ông K vay A là tài sản của hộ gia đình bà B1. Khi bà B1 ký hợp đồng bảo lãnh và thế chấp quyền sử dụng đất để ông K vay Ngân hàng không được sự đồng ý của các thành viên trong hộ gia đình bà B1, trong đó có anh Đ. Do đó, anh yêu cầu vô hiệu một phần: Hợp đồng bảo lãnh số 0809A/2007/HĐ và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0809/2007HĐ lập ngày 29/6/2007 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 0809A/2007/PLHĐ lập ngày 29/7/2008 giữa bà Lê Thị B1 với A. Đối với phần bà B1 ký bảo lãnh để ông K vay Ngân hàng thì bà B1 có trách nhiệm trả. Buộc A giao trả cho anh bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y856020, sổ vào sổ 38913 do UBND huyện MT cấp ngày 17/02/2004 do hộ bà Lê Thị B1 đứng tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh D trình bày:

Phần đất mà ông K thế chấp để vay Ngân hàng có 04 lò gạch và 03 lán trại của anh, các lò gạch do anh đứng tên chủ cơ sở. Hiện nay các lò gạch không còn hoạt động, các lán trại thì đã xuống cấp. Anh yêu cầu được mua lại phần đất có các lò gạch và lán trại của anh. Việc này anh sẽ thỏa thuận với Ngân hàng và ông K.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 01/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2, khoản 6 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 304, 307, 308, 325, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Lê Văn K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền gốc 9.998.660.029 đồng và tiền lãi trong hạn 17.468.563.980 đồng, lãi quá hạn 5.322.356.011 đồng.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm (01/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hoàn tất nợ.

2. Trường hợp ông Lê Văn K không trả nợ số tiền nêu trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để được ưu tiên thu hồi nợ, tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất số D 0815977 do Ủy ban nhân dân huyện MT cấp ngày 03/8/1995, diện tích 15.870m²; mục đích sử dụng đất: Đất thổ quả 14.730m², đất nghĩa địa 640m², đất ao 500m²; thửa đất số 57, 59, 63, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn K đứng tên.

- Quyền sử dụng đất số D 0705809 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 16/11/1995, diện tích 17.800m²; mục đích sử dụng đất: Đất chuyên dùng khác 8.960m², đất xây dựng 8.840m²; thửa đất số 58, 60; tờ bản đồ số 5; tọa lạc tại ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn K đứng tên.

- Quyền sử dụng đất số A 624730 do Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ cấp ngày 18/7/1991, diện tích 14.100m²; mục đích sử dụng đất: Đất cây ăn quả 6.290m², đất ao 7.810m²; thửa đất số 68, 69; tờ bản đồ số 7; tọa lạc tại ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn K đứng tên.

- Quyền sở hữu nhà số 241/XD-UBH do Ủy ban nhân dân huyện MT cấp ngày 31/12/1994, loại nhà cấp IV, diện tích 162,24m², trên thửa đất số 57, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn K đứng tên.

- Quyền sử dụng đất số T 637640 do Ủy ban nhân dân huyện MT cấp ngày 02/12/2004, diện tích 4.820m²; mục đích sử dụng: Đất lúa; thửa đất số 81,

86; tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do hộ Lê Văn K đứng tên.

- Quyền sử dụng đất số Y 856020 do Ủy ban nhân dân huyện MT cấp ngày 17/02/2004, diện tích 7.670m²; mục đích sử dụng: Đất ao (hồ) 4.480m²; đất vườn 3.190m²; thửa đất số 44, 45 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thị B1 đứng tên.

Và phát mãi toàn bộ tài sản gắn liền với phần đất thế chấp.

3. Anh Lê Thanh D được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng phần đất gắn với các lò gạch và lán trại của anh khi phát mãi tài sản. Trường hợp anh không nhận chuyển nhượng thì được nhận lại trị giá 04 lò gạch và 03 lán trại theo định giá tại thời điểm bán đấu giá.

4. Ông Lương Văn B, anh Lương Tấn Đ và chị Lương Thị L được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng phần đất gắn với các tài sản là nhà ở, lò gạch và lán trại trên thửa đất số 44, 45 tờ bản đồ số 5 do bà B1 đứng tên, đất tọa lạc tại ấp MT, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long. Trường hợp ông B, anh Đ và chị L không nhận chuyển nhượng thì được nhận lại trị giá nhà ở, các lò gạch và lán trại trên thửa đất của bà B1 đứng tên theo định giá tại thời điểm bán đấu giá.

5. Chị Lê Thị Mỹ P được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với nhà ở khi bán đấu giá tài sản.

6. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị CH có trách nhiệm cùng với ông Lê Văn K trả nợ số tiền gốc và lãi nêu trên.

7. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị CH, chị Lê Thị Mỹ P, chị Lê Thị Mỹ L, anh Lê Quang M yêu cầu vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1130/2008/HĐ ngày 01/9/2008 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1251/2008/HĐ ngày 24/9/2008 giữa ông Lê Văn K với Ngân hàng A. Và yêu cầu Ngân hàng A giao trả cho bà P, chị L, anh M các bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà do ông Lê Văn K đứng tên gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T637640, sổ vào sổ cấp giấy 42398.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện MT cấp ngày 02/12/2004; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D0815977, sổ vào sổ 30796 do Ủy ban nhân dân huyện MT cấp ngày 03/8/1995; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0705809, sổ vào sổ 00166, do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 16/11/1995; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A624730, sổ vào sổ 05508 do Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ cấp ngày 18/7/1991 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 241/XD-UBH do Ủy ban nhân dân huyện MT cấp ngày 31/12/1994.

8. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lương Tấn Đ về việc: Vô hiệu một phần Hợp đồng bảo lãnh số 0809A/2007/HĐ và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0809/2007/HĐ lập ngày 29/6/2007 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 0809A/2007/PLHĐ lập ngày 29/7/2008 giữa bà Lê Thị B1 với Ngân hàng A. Và yêu cầu Ngân hàng A giao trả cho anh bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y856020, số vào sổ 38913 do Ủy ban nhân dân huyện MT cấp ngày 17/02/2004 do bà Lê Thị B1 đứng tên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/9/2020, ông Lê Văn K có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để thụ lý xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm không hủy bản án sơ thẩm thì yêu cầu hủy các hợp đồng thế chấp tài sản của hộ gia đình với lý do Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sai quy định pháp luật và trái với Quyết định giám đốc thẩm số: 05/2015/GĐT-TKT ngày 28/01/2015 của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân tối cao.

Ngày 12/9/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị CH, anh Võ Anh D1, chị Lê Thị Mỹ L và anh Lê Quang M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để thụ lý xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm không hủy bản án sơ thẩm thì yêu cầu hủy các hợp đồng thế chấp tài sản của hộ gia đình trong đó bà CH, anh D1, chị L và anh M.

Ngày 14/9/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Mỹ P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo hướng vô hiệu toàn bộ các Hợp đồng bảo lãnh số 0809A/2007/HĐ và các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0809/2007/HĐ cùng ngày 29/6/2007, số 1130/2008/HĐ ngày 01/9/2008 và số 1251/2008/HĐ ngày 24/9/2008 giữa ông Lê Văn K làm chủ doanh nghiệp với A – Chi nhánh Vĩnh Long theo đúng quy định tại Điều 128 Bộ luật Dân sự 2005 (*thời điểm giao dịch*) vì tài sản thế chấp là của hộ gia đình bà P. Ông K có nghĩa vụ thanh toán nợ cho A theo các hợp đồng tín dụng đã ký, đối với tài sản thế chấp bà P sẽ tự chia theo thỏa thuận, trong trường hợp có tranh chấp sau này sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

Ngày 15/9/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 171/KNPT-KDTM với nội dung cho rằng:

Tại phần quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 01/9/2020, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông Lê Văn K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền gốc 9.998.660.029 đồng, nợ lãi đến ngày 31/8/2020 lãi trong hạn 17.468.563.980 đồng, lãi quá hạn 5.322.356.011 đồng là chưa chính xác, chưa đúng với tư cách bị đơn được xác định ban đầu (bị đơn: Ông Lê Văn K – Chủ Doanh nghiệp tư nhân VHX I).

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông Lê Văn K là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí và áp dụng các Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để cho ông K miễn án phí là chưa đúng quy định. Bởi vì, bị đơn Ông Lê Văn K – Chủ Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp bị kiện, không phải ông K tham gia tố tụng với tư cách là cá nhân. Trong khi đó, những trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí được quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội không có trường hợp nào Chủ doanh nghiệp tư nhân (thuộc trường hợp *người cao tuổi*) là bị đơn được miễn án phí. Vì vậy, để tránh thất thu ngân sách Nhà nước cần phải buộc ông Lê Văn K – Chủ Doanh nghiệp tư nhân VHX I nộp án phí (số tiền 140.784.000 đồng) theo đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 171/KNPT-KDTM ngày 15/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên (sau đây gọi tắt là Quyết định kháng nghị hoặc Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Văn K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị CH, chị Lê Thị Mỹ L, anh Lê Quang M, anh Võ Anh D1, chị Lê Thị Mỹ P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của ông Lê Văn K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Lê Thị CH, chị Lê Thị Mỹ L, anh Lê Quang M, anh Võ Anh D1 và chị Lê Thị Mỹ P:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị đơn là ông Lê Văn K - Chủ doanh nghiệp tư nhân VHX I là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 185 Luật Doanh nghiệp. Qua đó nhận thấy, Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc ông Lê Văn K có trách nhiệm trả cho A số tiền gốc 9.998.660.029 đồng và tiền lãi trong hạn 17.468.563.980 đồng, lãi quá hạn 5.322.356.011 đồng; đồng thời, miễn nộp án phí cho ông Lê Văn K với lý do ông K là người cao tuổi, là chưa đúng với tư cách của bị đơn đã được xác định ban đầu, là có căn cứ. Tuy nhiên, Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa những nội dung quyết định sai lầm nêu trên của bản án sơ là không phù hợp với quy định pháp luật, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Vì những sai lầm, vi phạm nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, thuộc trường hợp cần phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn K và các đương sự bà Lê Thị CH, chị Lê Thị Mỹ L, anh Lê Quang M, anh Võ Anh D1 và chị Lê Thị Mỹ P; hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của ông Lê Văn K và đơn kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị CH, chị Lê Thị Mỹ P, chị Lê Thị Mỹ L, anh Lê Quang M và anh Võ Anh D1 nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật; Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Long là đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Long hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm về thủ tục tố tụng, có những thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ và chứng minh không đúng theo quy định pháp luật, cụ thể:

[1] Ông Lê Văn K là Chủ doanh nghiệp tư nhân VHX I (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp) đã ký các Hợp đồng tín dụng số 0706/2006/HĐ ngày 30/6/2006, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1236/2006/HĐ ngày 20/9/2007 và Phụ lục hợp đồng số 1236A/2008/PLHĐ ngày 09/01/2008, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0787/2006/HĐ ngày 18/7/2006 và Phụ lục hợp đồng số 0787A/2008/PLHĐ ngày 18/7/2008 để vay của A tổng số 9.998.660.029 đồng với mục đích sử dụng để đầu tư xây dựng mở rộng cơ sở sản xuất và bổ sung vốn lưu động sản xuất của Doanh nghiệp. Tính đến ngày 31/8/2020, số tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng nêu trên bên vay còn chưa thanh toán cho A các khoản cụ thể là số tiền vốn 9.998.660.029 đồng, nợ lãi đến ngày 31/8/2020 lãi trong hạn 17.468.563.980 đồng và lãi quá hạn 5.322.356.011 đồng.

[1.1] Tại Đơn khởi kiện ngày 05/7/2011, A yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân VHX I phải trả số tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi Doanh nghiệp trả hết nợ cho Ngân hàng. Sau đó, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu ông Lê Văn K – Chủ Doanh nghiệp tư nhân VHX I và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị CH có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền vốn và lãi nêu trên. Qua đó xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị đơn trong vụ án là ông Lê Văn K - Chủ doanh nghiệp tư nhân VHX I là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 185 Luật Doanh nghiệp.

[1.2] Tuy nhiên, trong phần nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không phân tích, đánh giá, nhận định và áp dụng các quy định của Luật Doanh nghiệp để giải quyết vụ án là thiếu sót. Theo đó, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã buộc ông Lê Văn K có trách nhiệm trả cho A số tiền gốc 9.998.660.029 đồng và tiền lãi trong hạn 17.468.563.980 đồng, lãi quá hạn 5.322.356.011 đồng là không đúng với việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị đơn trong vụ án này là ông Lê Văn K - Chủ doanh nghiệp tư nhân VHX I. Hơn nữa, ông K không phải là bên vay trong các hợp đồng tín dụng mà nguyên đơn A yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông K phải có trách nhiệm trả cho A các khoản tiền như trên là sai lầm nghiêm trọng.

Thêm nữa, vì bị đơn trong vụ án là ông Lê Văn K - Chủ doanh nghiệp tư nhân VHX I, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để quyết định miễn nộp án phí sơ thẩm cho ông K do thuộc trường hợp người cao tuổi cũng là sai lầm, gây thất thoát ngân sách Nhà nước. Xét những thiếu sót, sai lầm và vi phạm nêu trên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 5, khoản 3 Điều 68, các điểm b, c khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng

dân sự, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, thuộc trường hợp phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

[2] Mặt khác, trong phần nhận định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị Lê Thị Mỹ P có nhà ở trên phần đất thế chấp nên bà P được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với nhà. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ việc bà P xây nhà vào thời gian nào, xây dựng trên vị trí thuộc thửa đất nào và hiện trạng nhà ra sao là thuộc trường hợp thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chị Lê Thị Mỹ P được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở khi bán đấu giá tài sản là không cụ thể, rõ ràng, không đủ căn cứ cho việc thi hành án, nên cũng cần phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Đối với những nội dung trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng, tài sản mà ông Lê Văn K thế chấp để vay tiền Ngân hàng là của hộ gia đình, nhưng không được sự đồng ý của các thành viên trong hộ, sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết cùng với việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các đương sự có kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị CH, chị Lê Thị Mỹ P, chị Lê Thị Mỹ L, anh Lê Quang M và anh Võ Anh D1; chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 171/KNPT-KDTM ngày 15/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự có kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

+ Hoàn trả cho chị Lê Thị Mỹ P số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm bà P đã nộp theo Biên lai thu số 0002745 ngày 14/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

+ Hoàn trả cho anh Lê Quang M số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp (do chị Lê Thị Mỹ P nộp thay) theo Biên lai thu số 0002746 ngày 14/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

+ Hoàn trả cho chị Lê Thị Mỹ L số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp (do chị Lê Thị Mỹ P nộp thay) theo Biên lai thu số 0002747 ngày 14/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

+ Hoàn trả cho anh Võ Anh D1 số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp (do chị Lê Thị Mỹ P nộp thay) theo Biên lai thu số 0002749 ngày 14/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 09 tháng 3 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu – (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Công

Đinh Ngọc Thu Hương

Đỗ Đình Thanh